

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Di truyền và chọn giống cây trồng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THANH TUẤN**

2. Ngày tháng năm sinh: **14/07/1982**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **Nga Thắng, Nga Sơn, Thanh Hóa**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số nhà 28, Tập thể Viện Khoa học Nông nghiệp, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ: **P1501B, Chung cư Tecco Skyville, đường Quang Lai, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội**

Điện thoại di động: **0961473666**; E-mail: thanhuan@vnu.edu.vn

thanglongmos@yahoo.com;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 6 năm 2011 đến năm 2013: Giảng viên Bộ môn Di truyền và Chọn giống cây trồng, Trợ lý đào tạo đại học; Bí thư Chi bộ Sinh viên khoa Nông học - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ năm 2013 đến năm 2015: Giảng viên Bộ môn Di truyền và Chọn giống cây trồng, Trợ lý đào tạo Sau đại học, khoa Nông học - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ năm 2015 đến năm 2017: Giảng viên Bộ môn Di truyền và Chọn giống cây trồng - khoa Nông học; Trưởng phòng Nghiên cứu đậu đỗ - Viện Nghiên cứu và

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Phát triển cây trồng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 11 năm 2020: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Di truyền và Chọn giống cây trồng - khoa Nông học; Trưởng phòng Nghiên cứu đậu đỗ - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng 12 năm 2020 đến nay: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ môn Di truyền và Chọn giống cây trồng - khoa Nông học; Trưởng phòng Nghiên cứu đậu đỗ - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: **Phó trưởng bộ môn**;

Chức vụ cao nhất đã qua: **Phó trưởng bộ môn**.

Cơ quan công tác hiện nay: **Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

Địa chỉ cơ quan: **Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024.62617586**

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **21 tháng 06 năm 2007**; số văn bằng: **DIC 0045969**; ngành: **Nông nghiệp**, chuyên ngành: **Di truyền và Chọn giống cây trồng**; Nơi cấp bằng ĐH: **Đại học Nông nghiệp quốc gia Nga mang tên Timiryazev, Liên Bang Nga**.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):....

- Được cấp bằng TS ngày **4 tháng 3 năm 2011**; số văn bằng: **DKN 129197**; ngành: **Nông nghiệp**, chuyên ngành: **Di truyền và Chọn giống cây trồng**; Nơi cấp bằng TS: **Đại học Nông nghiệp quốc gia Nga mang tên Timiryazev, Liên Bang Nga**.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá, phân lập và sàng lọc nguồn gen cây trồng phục vụ chọn tạo giống chất lượng, chống chịu điều kiện bất thuận.
- Nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng năng suất, chất lượng cao và chống chịu điều kiện bất thuận (tập trung vào nhóm cây đậu đỗ, cây rau, lúa).
- Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống và quy trình canh tác giống cây trồng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án và nhận bằng TS;
- Đã hướng dẫn 19 HVCH, trong đó có 16 HVCH đã bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và nhận bằng ThS;
- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó chủ biên 01 giáo trình, 03 sách tham khảo và tham gia biên soạn 02 giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH các cấp gồm: Chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu cấp Bộ; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh và chủ nhiệm 01 đề tài cơ sở (trọng điểm cấp Học viện); tham gia 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 01 cấp tỉnh; 03 cấp Học viện. Hiện nay, đang chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh.
- Đã công bố 42 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc trong danh mục ISI/Scopus; 31 bài báo khoa học trên tạp chí uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Đã được cấp (06) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Tác giả của 03 giống đậu xanh tự công bố lưu hành, được Cục trồng trọt cho phép sản xuất kinh doanh và ra quyết định cấp bằng bảo hộ; đồng tác giả 01 giống đậu tương được Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử và chấp nhận tự công bố lưu hành; đồng tác giả của 02 giống lúa được cấp bằng bảo hộ.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Năm 2007, giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Liên Bang Nga cho sinh viên đạt thành tích học tập xuất sắc;
- Năm 2008, giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Liên Bang Nga cho nghiên cứu sinh đạt kết quả tốt trong học tập và nghiên cứu;
- Năm 2015, giấy khen của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2011-2016;
- Năm 2016, giấy khen của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong công tác nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở các năm học: 2012-2013; 2013-2014; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020;
 - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định số 4375/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/11/2019;
 - Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/03/2021.
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Tháng 6 năm 2011 tôi bắt đầu công tác tại Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. Trong suốt quá trình 10 năm làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn không ngừng phấn đấu để xứng đáng là một nhà giáo có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt. Với sự nỗ lực của bản thân cùng với sự ủng hộ, tín nhiệm của các thầy cô giáo và đồng nghiệp, tôi dần trưởng thành hơn và đạt được một số thành tích nhất định trong sự nghiệp. Tôi tự nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định: Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; Có trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo xu hướng hội nhập quốc tế; Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Có lý lịch bản thân rõ ràng.

Trong quá trình công tác, tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục. Tham gia giảng dạy các môn học ở 3 bậc đào tạo (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ); biên soạn giáo trình, bài giảng, sách tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu; hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên, luận văn, luận án cho học viên cao học và nghiên cứu sinh. Bên cạnh đó, chủ trì và tham gia nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp về chọn giống cây trồng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác ở một số đối tượng cây trồng phổ biến. Tích cực hợp tác, trao đổi nghiên cứu, đào tạo với các đồng nghiệp ở nhiều đơn vị trong và ngoài nước. Tham gia xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, xây dựng đề cương một số học phần ở bậc đại học và sau đại học của chuyên ngành Di truyền và Chọn giống cây trồng. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác của Bộ môn, của Khoa và Học viện phân công; chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế của Học viện và quy định pháp luật của Nhà nước.

Trong công việc, tôi luôn có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, sẵn sàng cộng tác, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy (đại học, cao học, nghiên cứu sinh) và nghiên cứu khoa học với chất lượng tốt.

Như vậy, đối chiếu các tiêu chuẩn và nhiệm vụ Phó giáo sư đối với nhà giáo

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
như quy định, tối tự nhận thấy mình có đủ điều kiện để nhận được học hàm PGS.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 10 thâm niên đào tạo.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết
hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 / BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014				4	338		338/573,9/280
2	2014-2015			2	12	353		353/796,9/280
3	2015-2016			6	15	361		361/908,8/270
4	2016-2017			4	13	293,4	15	308,4/796,5/229,5
5	2017-2018		1	1	16	193,8	45	238,8/739,6/229,5
03 năm học cuối								
6	2018-2019			1	16	204,6	55	259,6/636/229,5
7	2019-2020			2	9	180	45	225/511,1/229,5
8	2020-2021				8	160	165	325/616,28/229,5

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Nga**

a) Được đào tạo ở nước ngoài

- Học ĐH ; Tại nước: **Liên Bang Nga**; Từ năm 2001 đến năm 2007
- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: năm
- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: **Liên Bang Nga** năm 2008 đến năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:....; năm cấp:....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH / CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Khởi	x			x	2014- 2017	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	28/09/2018
2	Nguyễn Văn Khâm		x	x		2012- 2014	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/12/2014
3	Nguyễn Ngọc Tân		x	x		2012- 2014	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	13/02/2015
4	Nguyễn Thị Thoa		x	x		2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	31/07/2015
5	Lê Văn Thành		x		x	2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	31/07/2015
6	Vũ Hằng Nga		x		x	2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	31/07/2015
7	Nguyễn Thị Hồng Thư		x	x		2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	11/12/2015
8	Nguyễn Thị Hiền		x	x		2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	11/12/2015
9	Nguyễn Văn Tiến		x	x		2013- 2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	29/02/2016
10	Nguyễn Thị Hương Trà		x	x		2014- 2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	01/08/2016
11	Vũ Thành		x	x		2014-	Học viện	01/08/2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH / CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
	Quang					2016	Nông nghiệp Việt Nam	
12	Lương Thanh Quang		x		x	2014- 2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	21/12/2016
13	Nguyễn Thị Giang		x	x		2014- 2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	29/3/2017
14	Phạm Thị Huyền		x	x		2015- 2017	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	30/11/2017
15	Đoàn Thị Lụa		x	x		2016- 2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	24/08/2018
16	Vũ Văn Khánh		x	x		2017- 2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	09/07/2019
17	Phạm Hữu Thương		x	x		2017- 2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	09/12/2019
18	Phạm Thị Thương		x		x	2019- 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đã bảo vệ thành công (Dự kiến nhận bằng 12/2021)
19	Nguyễn Đức Trung		x	x		2019- 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Dự kiến bảo vệ 11/2021
20	Nguyễn Thị Bích Ngần		x	x		2020- 2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Dự kiến bảo vệ 4/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Chọn giống cây trồng ngắn ngày	GT	NXB Đại học Nông nghiệp, 2016	9	Tham gia viết 1 phần	112-135	Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
2	Подбор пар для гибридизации яровой пшеницы	TK	LAP LAMBERT Academic Publishing, 2017	1	Chủ biên		Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
3	Thực hành Di truyền học thực vật	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2018	1	Chủ biên		Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
4	Cây đậu xanh	TK	NXB Học viện Nông nghiệp, 2020	1	Chủ biên		Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
5	Cây khé	TK	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021	1	Chủ biên		Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
6	Sản xuất và nhân giống cây trồng	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021	9	Tham gia viết 1 phần	156-193	Giấy chứng nhận của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu giải pháp quản lý tổng hợp bệnh virút đóm vòng (<i>Papaya Ringspot Virus</i>) nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất đu đủ ở Hà Nội	CN	01C-05/03-2012-2 Cấp thành phố	1/2012-12/2013	25/12/2013/Khá
2	Chọn tạo giống hành củ (<i>Allium cepa Aggregatum group</i>) chịu nhiệt cho sản xuất trái vụ ở vùng Đồng bằng sông Hồng	CN	B2014-11- 44 Cấp Bộ	2014-2015	11/04/2016/Khá
3	Chọn tạo giống đậu xanh năng suất cao và quả chín tập trung cho các tỉnh phía Bắc Việt Nam	CN	TĐ2018-01-01 TĐ Trọng điểm cấp Học viện	06/2018 - 06/2020	03/02/2021/Tốt
4	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất đậu xanh TX05 theo chuỗi giá trị trên vùng chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả tại Thái Bình	CN	TB- CT/NN02/21-22 Cấp tỉnh	2021-2022	Đang thực hiện
5	Khảo sát tập đoàn nguồn gen lúa mì	TK	T2015-01-02 VB cấp Học viện	1/2015-12/2015	20/07/2016/Khá
6	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và khả năng chịu nóng của tập đoàn đậu cô ve (<i>Phaseolus vulgaris L.</i>) phục vụ chọn tạo giống đậu cô ve chịu nóng	TG	T2012-01-03 Cấp trường	1/2012-12/2012	12/04/2013/Khá
7	Hoàn thiện quy trình duy trì bối mẹ, sản xuất hạt lai F1 và thảm canh đu đủ thương phẩm VNĐĐ9 và VNĐĐ10	TG	B2012-11-02DA Cấp Bộ	2012-2013	09/12/2014/Tốt (A)

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
8	Nghiên cứu sử dụng nguồn gen dưa chuột (<i>Cucumis sativus L.</i>) bản địa miền núi phía Bắc Việt Nam trong chọn tạo và cải tiến giống dưa chuột cho vùng Đồng bằng sông Hồng	TG	B2014-11-45 Cấp Bộ	2014-2015	03/10/2016
9	Chọn giống đậu tương ngắn hoặc trung ngày bằng phương pháp lai hữu tính thích hợp cho vụ đông và cơ giới hóa	TG	TĐ2016-01-01 TĐ Trọng điểm cấp Học viện	5/2016-5/2018	23/01/2019 Tốt
10	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất đậu tương tại Thái Bình	TG	TB- CT/NN02/19-20 Cấp tỉnh	2019-2020	18/12/2020 Đạt
11	Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống đậu tương kháng bệnh giását (giai đoạn 2)	TG		2019-2020	28/03/2021 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thu ký; TG: Tham gia.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I								
1	Содержание алкалоидов в зерне узколитного люпина	3	Chính	Естественные и Технические науки/ ISSN: 1684-2626			3(29), 134-135	6/2007
2	Оценка	3	Chính	Объединенный научный журнал/			7(195), 59-60	5/2007

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	фузариозоустийчи вости образцов узколитного люпина			ISSN: 1729-3707				
3	Влияние объема выборки растений на точность сравнения гибридных форм яровой пшеницы	3	Chính	Известия ТСХА/ ISSN: 0021-342X	RSCI (Russian Science Citation Index - Scientific Electronic Library) http://elib.timacad.ru/dl/full/13-2010-3.pdf/view		3, 127-133	5-6 /2010
4	Оценка эффективности методов подбора родительских пар на пример яровой пшеницы	3	Chính	Известия ТСХА/ ISSN: 0021-342X	RSCI (Russian Science Citation Index - Scientific Electronic Library) http://elib.timacad.ru/dl/full/10-2010-6.pdf/view		6, 67-74	11-12 /2010
II Sau khi được công nhận TS								
5	Совершенствование биометрического метода оптимизации выборки растений при экспериментальном сравнении гибридных популяций	4	Tham gia	Известия ТСХА/ ISSN: 0021-342X	RSCI (Russian Science Citation Index - Scientific Electronic Library) http://elib.timacad.ru/dl/full/09-2012-2.pdf/view		2, 71-86	3-4 /2012
6	Прогноз эффективности	4	Tham gia	Известия ТСХА/ ISSN: 0021-342X	RSCI (Russian		1, 57-70	1-2

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	отбора в популяциях по косвенным оценкам генетической дивергенции родителей на примере мягкой яровой пшеницы				Science Citation Index - Scientific Electronic Library) http://elib.tima cad.ru/dl/full/0 7-2013-1.pdf/view			/2013
7	Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian xử lý colchicine đến khả năng tạo đa đới ở hành củ (<i>Allium cepa L.</i> , <i>Aggregatum group</i>)	4	Tham gia	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			14(3), 360-366	3/2016
8	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số giống lúa mì nhập nội tại Gia Lâm, Hà Nội	5	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			1, 70-75	6/2016
9	Kết quả đánh giá khả năng kháng bệnh giását của một số mẫu giống đậu tương ở Việt Nam	10	Tham gia	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			1, 196-202	6/2016
10	Nghiên cứu xác định hiệu quả của một số gen kháng bệnh giását ở đậu tương Việt Nam và chỉ thị phân tử liên kết với chúng	9	Tham gia	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-0004			14(8), 1155-1161	8/2016
11	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng đậu tương nhập nội tại Gia Lâm, Hà Nội	1	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			4(89), 33-37	4/2018
12	Khảo sát khả năng kháng bệnh bạc lá	7	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông			5(90), 13-18	5/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	và rầy nâu của tập đoàn lúa phổ biến trong sản xuất tại Việt Nam			nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558				
13	Tuyển chọn, xác định khoảng cách trồng và liều lượng phân bón thích hợp cho dòng đậu xanh nhập nội triển vọng tại Gia Lâm, Hà Nội	1	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			21, 23-29	11 /2018
14	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng đậu xanh nhập nội tại Gia Lâm, Hà Nội	1	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			4(89), 27-32	4/2018
15	Comparison of Genetic Gains of Agronomical Traits from Different Selection Methods in Soybean	6	Tham gia	Vietnam Journal of Agricultural Sciences/ ISSN: 2588-1299			1, 4, 281-288	12 /2018
16	Screening of salt tolerance potential of a panel of Vietnamese rice landraces at seedling stage	7	Tham gia	Journal of Vietnam Agricultural Science and Technology/ ISSN: 0866-8116			1(3), 27-32	2018
17	Ảnh hưởng của mật độ, phân bón đến khả năng sinh trưởng và năng suất của giống đậu xanh hạt nhỏ Nam Đàn	5	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			2(99), 75-79	1/2019
18	Correlations and Path Coefficients for Yield Related Traits in Soybean Progenies	5	Tham gia	Asian Journal of Crop Science/ ISSN: 1994-7879	Scopus, IF: 0.674 (2019) DOI:10.3923/ajcs.2019.32.39		11(2), 32-39	2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	Genome-wide association mapping of leaf mass traits in a Vietnamese rice landrace panel	9	Tham gia	PlosOne/ ISSN/eISSN: 1932-6203	SCIE, Scopus (Q1), IF: 2.74 (2019) CiteScore: 5.2 (https://doi.org/10.1371/journal.pone.0219274)		14(7): e0219274	7/2019
20	Ảnh hưởng của các loại giá thể gồm kỹ thuật và phân chia tan đến sinh trưởng và chất lượng của cây hoa Lily trồng chậu	4	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			1(110), 12-17	1/2020
21	Identification of Vietnamese native rose species by using internal transcribed spacers (ITS) sequencing	13	Tham gia	Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology ISSN: 0972-2025	Scopus (Q4), IF: 0.246 (2019-2020), CiteScore: 0.4		21(11&12): 1-10	4/2020
22	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác, chất lượng và khả năng chống chịu của giống lúa Quê Râu tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	7	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			3(112), 69-75	3/2020
23	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển của các giống ngô lai mới tại tỉnh Thanh Hóa	5	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			4(113), 75-80	4/2020
24	Evaluation of Genetic Diversity of Rice Blast Fungus	12	Tham gia	Chiang Mai Journal of Science/ ISSN: 0125-2526	SCIE, Scopus (Q4), IF: 0.523 (2020),		47(6), 1102-1117	5/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(Magnaporthe oryzae Barr) Isolates Collected from South Central Coast Areas of Viet Nam			eISSN: 2465-3845	CiteScore = 0.6			
25	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống đậu xanh mới chọn tạo tại Thanh Hóa	3	Chính	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			4(113), 103-107	4/2020
26	Dataset on the effects of spacing and fruit truss limitation on the growth, yield and quality of open-field tomato plants	8	Chính	Data in Brief/ ISSN: 2352-3409	ESCI, Scopus (Q4), IF: 0.587 (2019-2020), CiteScore; 1,7 (https://doi.org/10.1016/j.dib.2020.106183)		32: 106183	8/2020
27	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng phân đạm cho lúa chất lượng cao ở vùng đồng bằng sông Hồng	7	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			5(114), 8-15	5/2020
28	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng của cây Phú Quý (Aglaonema hybrid) trồng nội thất	5	Tham gia	Tạp chí Đại học Tây Nguyên/			42, 75-82	6/2020
29	Evaluation of combining ability and grain yield of some tropical Maize inbred lines in the	14	Tham gia	Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology ISSN: 0972-2025	Scopus (Q4), IF: 0.246 (2019-2020), CiteScore: 0.4		21(15&16), 1-11	6/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	North Central region of Vietnam							
30	Ảnh hưởng của thời vụ, mật độ và phân bón đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng hạt giống đậu tương Đ9 tại Hà Nội	4	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			7(116), 60-66	7/2020
31	Kết quả phục tráng giống lúa huyết rồng tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	5	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			8(117), 16-22	8/2020
32	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống khoai sọ Phúc Sạn tại Mai Châu - Hòa Bình	3	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			9(118), 99-104	9/2020
33	Screening drought tolerance of Vietnamese rice landraces in the laboratory and net house conditions	8	Chính	Advanced Studies in Biology ISSN: 1313-9495 eISSN:1314-7668	WoS (Zoological Record) (https://doi.org/10.12988/asb.2021.91273)		13, 1, 21-28	2/2021
34	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống lúa nếp xoắn tại Kiến Thụy, Hải Phòng	5	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			2(123), 17-22	2/2021
35	Dataset on the agronomic characteristics and combining ability of	6	Tham gia	Data in Brief/ ISSN: 2352-3409	ESCI, Scopus (Q4), IF: 0.587		36: 107069	4/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	new parental lines in the two-line hybrid rice systems in Vietnam				(2019-2020) CiteScore: 1,7 (https://doi.org/10.1016/j.dib.2021.107069)			
36	Agro-morphological characteristics and genetic diversity of glutinous rice (<i>Oryza sativa</i>) landraces in north Vietnam	5	Chính	Research on Crops ISSN: 0972-3226 eISSN: 0972-3226	Scopus (Q3), IF: 0.413 (2019-2020), CiteScore: 1.3 (DOI: 10.31830/2348-7542.2021.029)		22(1), 1-9	2/2021
37	Kết quả tuyển chọn giống và một số biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp với giống cỏ voi V3 tại vùng Nam Trung Bộ	7	Tham gia	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN: 1859-1558			2(123), 79-85	2/2021
38	Resequencing of 672 Native Rice Accessions to Explore Genetic Diversity and Trait Associations in Vietnam	27	Tham gia	Rice	SCIE, Scopus (Q1), IF: 3.912, CiteScore: 5.8 https://doi.org/10.1186/s12284-021-00481-0		14:52, 1-16	6/2021
39	Nghiên cứu thời vụ thích hợp cho giống đậu tương ĐT32 trong vụ đông trên đất ướt tại Hà Nội	2	Tham gia	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			10, 24-29	5/2021
40	Đa dạng di truyền của các mẫu giống đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> (L.)	1	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			15, 90-96	7/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Wilczek) có nguồn gốc khác nhau dựa trên đặc điểm kiểu hình							
41	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân đạm đến sinh trưởng phát triển và năng suất của giống lúa Tả Cù tại Phong Thổ, Lai Châu	3	Tham gia	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ ISSN: 1859-4581			17, 38-44	7/2021
42	Đ9, a high-yielding and early maturing soybean cultivar resistant to soybean rust isolates of Vietnam	6	Chính	Crop Breeding and Applied Biotechnology ISSN/eISSN: 1984-7033	SCIE, Scopus (Q2), IF: 1.015 (2019-2020), CiteScore: 1.8		21(3): e386921 36	7/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 (số 26; 33; 36 và 42).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giống đậu tương Đ9	Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT	16/10/2019	Đồng tác giả	6
2	Giống đậu xanh MT68	Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	12/12/2019 Tự công bố lưu hành ngày 06/01/2020	Tác giả chính	1
3	Giống đậu xanh TX05	Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT	Chấp nhận hồ sơ tự công bố lưu hành ngày 28/07/2021; QĐ cấp bằng bảo hộ ngày 22/10/2021	Tác giả chính	5
4	Giống lúa TH998	Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT	29/04/2021	Đồng tác giả	3
5	Giống lúa Smart 56	Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT	07/06/2021	Đồng tác giả	3
6	Giống đậu xanh Vita1102	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Học Viện Nông nghiệp Việt Nam Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT	Tự công bố lưu hành ngày 23/07/2020 QĐ cấp bằng bảo hộ ngày 22/10/2021	Tác giả chính	1

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 03 (số thứ tự 2, 3 và 6).

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/kế tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chọn giống cây trồng khóa 58	Tham gia	Quyết định số 26/QĐ-NH ngày 31/10/2012	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 1708/QĐ-NNH, ngày 22 tháng 08 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	
2	Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chọn giống cây trồng	Tham gia	Quyết định số 12/QĐ-NH ngày 30/12/2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam		

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	khóa 62					
3	Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Di truyền và Chọn giống cây trồng	Tham gia	Quyết định số 04/QĐ-NH ngày 02/02/2015	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4234/QĐ-HVN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký



Nguyễn Thanh Tuấn